

Bản án số: 64/2024/HS-PT

Ngày: 26/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: bà Phạm Thị Minh Hiền và ông Nguyễn Trung Thông.

- Thư ký phiên tòa: bà Lương Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: bà **Phan Thị Diễm H** - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2024/TLPT-HS ngày 11/3/2024 đối với bị cáo **Hoàng Văn Q**, do có kháng cáo của bị cáo **Hoàng Văn Q** đối với bản án hình sự sơ thẩm số 25/2024/HSST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn Q**, sinh năm 1986; nơi cư trú: **số nhà F, đường D, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**; nghề nghiệp: công chức **Sở Giao thông vận tải tỉnh B**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên **Đ1** (đã bị khai trừ Đảng theo Quyết định số 93-QĐ-UBKT ngày 22/6/2023 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy các cơ quan tỉnh); con ông: **Hoàng Văn K**, sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1964; vợ: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987; con: có 02 con, sinh năm 2012 và 2018; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2023 đến ngày 11/8/2023 áp dụng biện pháp cho “Bảo lãnh”. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa);

Trong vụ án còn có 04 bị cáo khác; 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Pháp lý của đơn vị, hợp tác xã; nhiệm vụ, quyền hạn của các bị cáo:

Ngày 18/9/2009, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB về việc đổi tên Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới B trực thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh B thành Trung tâm Kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Trung tâm đăng kiểm 98-01S) và quy định cơ cấu, tổ chức của Trung tâm. Theo đó, Trung tâm đăng kiểm 98-01S là đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm 100% kinh phí hoạt động; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật. Trung tâm đăng kiểm 98-01S được Cục Đ2 cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới số 9801S/ĐKVN-2 ngày 18/3/2019 và số 9801S/ĐKVN-3 ngày 16/3/2022. Chu Văn K1 được bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm từ tháng 7/2009 đến tháng 01/2022 nghỉ hưu theo chế độ; Nguyễn Quyết T1 được Trung tâm đăng kiểm 98-01S ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số 01A/HĐLV ngày 31/10/2014, được Cục Đ2 cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo số 1778/2018-ĐT ngày 18/9/2018 và Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số 0103/2021 ngày 10/3/2021, có hiệu lực đến hết ngày 10/3/2024; Hà Anh Đ được Trung tâm đăng kiểm I ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số 02A/HĐLV ngày 31/10/2014, được Cục Đ2 cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số 0895/2018 ngày 15/5/2018 và số 0102/2021 ngày 10/3/2021, có hiệu lực đến hết ngày 10/3/2024.

Hợp tác xã Giao thông vận tải tỉnh B thành lập năm 2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20I09984041 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện V cấp đăng ký lần đầu ngày 29/01/2013, đăng ký thay đổi theo Luật Hợp tác xã ngày 30/6/2016; người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Ngọc K2, sinh năm 1985, nơi cư trú: thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; ngành nghề kinh doanh: Thiết kế, thi công cải tạo phương tiện xe cơ giới, vận tải hành khách đường bộ, kinh doanh thiết bị điện, điện tử. Thực tế từ năm 2019 đến nay, Nguyễn Ngọc K2 và Hợp tác xã G chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh vận tải, không thực hiện việc lập hồ sơ thiết kế cải tạo xe cơ giới, không thực hiện việc thi công cải tạo xe cơ giới cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

Ngày 01/4/2014, Sở Giao thông vận tải tỉnh B ban hành Quyết định số 256/QĐ-SGTVT về việc thành lập Tổ thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Theo đó, Hoàng Thế H1 - Trưởng phòng pháp chế (hiện là Chánh thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh B) là Tổ trưởng; Hoàng Văn Q - Chuyên viên Phòng quản lý vận tải công nghiệp (hiện là Chuyên viên Phòng quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh B) là Tổ viên. Tổ thẩm định thiết kế có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, đối chiếu các nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan để trình Lãnh đạo Sở quyết định. Thực tế, Hoàng Thế H1 là

người trực tiếp thực hiện việc thẩm định thiết kế, Hoàng Văn Q tham gia giúp việc, không được trực tiếp thẩm định hồ sơ.

2. Hành vi "Đưa hối lộ" của Hoàng Văn Q và hành vi "Nhận hối lộ" của Hoàng Thế H1.

Quá trình thực hiện công việc tại Tổ thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo, nhiều khách hàng có nhu cầu cải tạo xe cơ giới để phục vụ việc kinh doanh vận tải nhưng không nắm rõ quy trình, thủ tục thiết kế, cải tạo và nghiệm thu nên đã liên hệ với Hoàng Văn Q (hoặc thông qua trung gian) để nhờ thực hiện, Q đồng ý. Q yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin về đăng ký, đăng kiểm xe và số tiền từ 4.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/01 phương tiện để lập hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới và làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo, Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Việc nhận tiền được thực hiện bằng hình thức giao tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Q. Để thực hiện được việc trên, Hoàng Văn Q đã nhờ người tự giới thiệu là Nguyễn Trung K3 làm việc tại Công ty Cổ phần D1 tại Hà Nội (quá trình điều tra xác minh không xác định được thông tin cụ thể về người này) lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo gồm: bản thuyết minh thiết kế cải tạo; biên bản nghiệm thu xuất xưởng; văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo thể hiện đơn vị thiết kế và thi công xe cải tạo là Hợp tác xã G. Tuy nhiên, thực tế các trường hợp này đã tự cải tạo phương tiện trước đó hoặc cải tạo phương tiện tại các cơ sở khác, không thi công cải tạo tại Hợp tác xã G; Q nhờ Nguyễn Ngọc K2 - Giám đốc cho sử dụng thông tin pháp lý và con dấu của Hợp tác xã G để hoàn thiện hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới.

Sau khi đã hoàn thiện hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới, Hoàng Văn Q đem hồ sơ đến nộp tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải tỉnh B để đề nghị thẩm định và cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Sau đó, Q trao đổi với Hoàng Thế H1 - Tổ trưởng Tổ thẩm định về việc Q đã nhận làm "trọn gói" hồ sơ cho khách hàng, để kịp thời có hồ sơ thiết kế, cải tạo cho khách hàng, Q đề nghị Hanh thực hiện nhanh việc thẩm định các hồ sơ thiết kế cải tạo và trình ký cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo, H1 đồng ý. Theo quy định tại điểm c mục 5 Điều 7 Thông tư 85/2014/TT-BGTVT ngày 21/12/2014 của Bộ G nếu thiết kế đạt yêu cầu thì sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Tuy nhiên, do đã đồng ý với đề nghị của Q, chỉ trong thời gian ngắn (từ 02 đến 04 ngày), Hoàng Thế H1 đã thẩm định, đề nghị Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải tỉnh B ký, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Kết quả điều tra xác định Q đã đề nghị Hanh thẩm định, trình ký cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo nhanh 10 hồ sơ thiết kế cải tạo mang tên Hợp tác xã G (trong đó có 07 hồ sơ thiết kế cải tạo mới và 03 hồ sơ sử dụng thiết kế đã được

thẩm định từ trước) và Q sử dụng số tài khoản 0731000617975 mang tên Hoàng Văn Q tại Ngân hàng N1, chuyển số tiền 15.500.000 đồng đến tài khoản 106006771068 mang tên Hoàng Thế H1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần C với nội dung "t2-t4, 7 moi 3 ap". Q và H1 đều khai nội dung chuyển tiền có nghĩa là 07 hồ sơ thiết kế cải tạo mới và 03 hồ sơ sử dụng thiết kế đã được thẩm định từ trước; số tiền 15.500.000 đồng là tiền Q trả cho H1 trong việc đề nghị thực hiện nhanh thẩm định 10 hồ sơ thiết kế cải tạo và trình ký cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo) nêu trên.

Như vậy, có căn cứ kết luận số tiền đưa, nhận hồi lộ giữa Hoàng Văn Q và Hoàng Thế H1 là 15.500.000 đồng. Ngoài ra, Q khai còn nhiều lần chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho H1 để nhờ H1 thực hiện nhanh việc thẩm định hồ sơ thiết kế cải tạo và trình ký, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Tuy nhiên, bản thân Q và H1 không nhớ cụ thể, các lần chuyển tiền không ghi nội dung nên không có căn cứ xác định cụ thể số tiền Q đã nhận của ai, chủ phương tiện nào và chi cho H1 bao nhiêu tiền liên quan đến việc thẩm định hồ sơ thiết kế cải tạo.

3. Hành vi "Đưa hồi lộ" của Hoàng Văn Q và hành vi "Nhận hồi lộ" của Chu Văn K1, Nguyễn Quyết T1 và Hà Anh Đ.

Sau khi được Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo, Hoàng Văn Q đem hồ sơ và bảo các chủ phương tiện đưa xe đã cải tạo đến Trung tâm I để thực hiện nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Sau đó, Q gặp và giao cho Nguyễn Quyết T1, Hà Anh Đ là Đảng viên Trung tâm đăng kiểm 98-01S số tiền 1.500.000 đồng/phương tiện cải tạo (Q biết rõ mức phí nghiệm thu theo quy định là 610.000 đồng hoặc 960.000 đồng tùy loại phương tiện, số còn lại là tiền chi ngoài quy định) để nhờ nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Nguyễn Quyết T1, Hà Anh Đ đã nói cho Chu Văn K1 - Giám đốc Trung tâm biết việc có một số trường hợp khi nghiệm thu thì đại diện cơ sở thi công không có mặt nhưng các chủ phương tiện đã nộp chi phí 1.500.000 đồng/phương tiện cải tạo thì được K1 đồng ý và giao cho T1 trực tiếp thu, quản lý số tiền thu ngoài quy định, khoảng từ 01 đến 02 tháng thì chia nhau. Thông thường theo tỷ lệ: Khang 50%, T1 và Đ mỗi người 25%. Thực hiện chỉ đạo của K1, khi thực hiện nghiệm thu phương tiện cải tạo, T1 và Đ đã ký giả chữ ký và ghi họ tên "Nguyễn Văn T2", "Nguyễn Ngọc K2" tại mục "Đại diện cơ sở thi công" và "Cán bộ kỹ thuật" để hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm 98-01S ký, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.

Kết quả điều tra xác định trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2022, Trung tâm I đã nghiệm thu tổng số 52 phương tiện cải tạo có hồ sơ thiết

kế, thi công cải tạo mang tên **Hợp tác xã G**. Trong đó, **Nguyễn Quyết T1** và **Hà Anh Đ** trực tiếp kiểm tra, nghiệm thu 38 phương tiện, **Nguyễn Quyết T1** và **Chu Văn K1** trực tiếp nghiệm thu 06 phương tiện, **Hà Anh Đ** và **Trương Văn N** trực tiếp nghiệm thu 03 phương tiện. **Q** đã chi tổng số tiền 78.000.000 đồng (1.500.000 đồng/phương tiện), trong đó chuyển bằng hình thức chuyển khoản cho **Nguyễn Quyết T1** 13.500.000 đồng, số còn lại **Q** nhờ người khác đưa tiền mặt cho **T1** và **Đ** nhưng đến nay **Q** không nhớ. Số tiền chi phí nộp theo quy định là 35.920.000 đồng (gồm phí kiểm tra nghiệm thu phương tiện cải tạo là 33.320.000 đồng; lệ phí cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo là 2.600.000 đồng), còn lại 44.680.000 đồng là tiền chi ngoài quy định (trong đó **Nguyễn Quyết T1** trực tiếp nhận số tiền 37.680.000 đồng đối với 43 phương tiện cải tạo; **Hà Anh Đ** trực tiếp nhận số tiền 7.000.000 đồng đối với 09 phương tiện cải tạo).

Như vậy, có căn cứ kết luận tổng số tiền **Hoàng Văn Q** đã đưa hối lộ cho **Chu Văn K1**, **Nguyễn Quyết T1** và **Hà Anh Đ** là 44.680.000 đồng; tổng số tiền **Chu Văn K1**, **Hà A Đ** nhận hối lộ là 44.680.000 đồng; tổng số tiền **Nguyễn Quyết T1** nhận hối lộ là 37.680.000 đồng; tổng số tiền **K1** được chia là 23.215.000 đồng; **T1** được chia là 9.420.000 đồng; **Đ** được chia là 12.045.000 đồng.

Ngoài hành vi đưa, nhận hối lộ nêu trên, quá trình điều tra các bị can khai còn đưa, nhận hối lộ đối với một số phương tiện cải tạo khác nhưng quá trình điều tra không làm rõ được. Đến nay bị can **Hoàng Văn Q** khai được hưởng lợi khoảng 100.000.000 đồng; **Hoàng Thế H1** khai được hưởng lợi khoảng hơn 20.000.000 đồng; **Chu Văn K1** khai được hưởng lợi khoảng 42.000.000 đồng; **Nguyễn Quyết T1** khai được hưởng lợi 19.000.000 đồng; **Hà Anh Đ** khai được hưởng lợi 35.000.000 đồng.

4. Kết quả giám định

* Ngày 21/3/2023, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh B** đã ra quyết định trưng cầu giám định số 97/QĐ-CQĐT-CSKT, trưng cầu **Phòng K4 Công an tỉnh B** giám định chữ ký, chữ viết dưới mục "Đại diện cơ sở thi công trên 10 "Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo" (được đánh số ký hiệu từ A1 đến A10); chữ ký dưới mục "**Nguyễn Ngọc K2**", hình dấu tròn đỏ có nội dung "**Hợp tác xã G** * S.Đ.K.K.D: 20I098984041-H.T.X * H.Việt Yên-T.Bắc Giang", chữ ký dưới mục "Cán bộ kỹ thuật" trên 10 bộ hồ sơ nghiệm thu xe cải tạo (bao gồm 81 tờ tài liệu được đánh số ký hiệu từ A11 đến A92) do Trung tâm kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới Bắc Giang cung cấp.

* Kết luận giám định số 494/KL-KTHS ngày 23/3/2023 của **Phòng K4 Công an tỉnh B** kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "Hợp tác xã giao thông vận tải Bắc Giang" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A11 đến A92) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc K2 dưới mục "Cơ quan thiết kế" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A32, A39, A46, A53, A61, A75, A84, A92) so với hình dấu chữ ký của Nguyễn Ngọc K2 trên tài liệu mẫu là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ viết có nội dung "Nguyễn Văn T2" dưới mục "Đại diện cơ sở thi công" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ viết của Hà Anh Đ là do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết có nội dung "Nguyễn Văn T2" dưới mục "Đại diện cơ sở thi công" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A5 đến A10) so với chữ viết của Nguyễn Quyết T1 là do cùng một người viết ra.

* Ngày 26/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã ra quyết định trưng cầu giám định số 270/QĐ-CQĐT-CSKT, trưng cầu Phòng K4 Công an tỉnh B giám định Hình dấu tròn đỏ mang tên Hợp tác xã G; Hình dấu chữ ký màu xanh mang tên Nguyễn Ngọc K2; Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc K2; Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn T2; chữ viết mang tên Nguyễn Văn T2, Nguyễn Ngọc K2; chữ ký mang tên Nguyễn Quyết T1; chữ ký mang tên Hà Anh Đ trên 39 hồ sơ tài liệu về việc nghiệm thu xe cơ giới cải tạo (bao gồm 389 tờ tài liệu được đánh số ký hiệu từ A1 đến A389) do Trung tâm kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới Bắc Giang cung cấp.

* Kết luận giám định số 1254/KL-KTHS ngày 10/7/2023 của Phòng K4 Công an tỉnh B kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "Hợp tác xã giao thông vận tải Bắc Giang" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A3 đến A10, A13 đến A19, A21 đến A33, A36 đến A43, A45 đến A50, A53 đến A60, A63 đến A68, A70 đến A76, A79 đến A86, A88 đến A95, A97 đến A103, A105 đến A111, A113 đến A120, A123 đến A130, A133 đến A150, A153 đến A163, A166 đến A181, A184 đến A191, A194 đến A204, A207 đến A212, A214 đến A221, A224 đến A232, A235 đến A241, A243 đến A251, A254 đến A264, A271, A273 đến A279, A282 đến A290, A293 đến A300, A303 đến A310, A313 đến A320, A322 đến A329, A332 đến A380, A383 đến A389) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc K2 dưới mục "Cơ quan thiết kế" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A10, A19, A33, A43, A50, A60, A68, A86, A94, A103, A111, A120, A130, A150, A163, A166, A167, A181, A185, A191, A204, A212, A221, A232, A241, A251, A261, A279, A290, A300, A310, A320, A329, A338, A349, A359, A369, A380, A389) so với hình dấu chữ ký của Nguyễn Ngọc K2 trên tài liệu mẫu là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ viết có nội dung "**Nguyễn Ngọc K2**" dưới mục "Đại diện cơ sở thi công" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A151, A152, A340) so với chữ viết của **Nguyễn Quyết T1** là do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết có nội dung "**Nguyễn Văn T2**" dưới các mục "Đại diện cơ sở thi công", "Cán bộ kỹ thuật" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A34, A51, A61, A69, A77, A121, A131, A164, A167, A182, A192, A205, A222, A233, A262, A280, A291, A301, A311, A341, A350, A360, A370, A381) so với chữ viết của **Nguyễn Quyết T1** là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên **Nguyễn Quyết T1** tại các mục "Đăng kiểm viên 1", "Đăng kiểm viên 2" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A11, A12, A20, A34, A35, A44, A51, A52, A61, A62, A69, A77, A78, A87, A112, A121, A122, A131, A132, A151, A152, A164, A165, A182, A183, A192, A193, A205, A206, A213, A222, A223, A233, A234, A242, A252, A253, A262, A263, A280, A281, A291, A292, A301, A302, A311, A312, A321, A330, A331, từ A339 đến A342, A350, A351, A360, A361, A370, A371, A381, A382) so với chữ ký của **Nguyễn Quyết T1** là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên **Hà Anh Đ** tại các mục "Đăng kiểm viên 2", "Đăng kiểm viên 1" trên các tài liệu cần giám định "ký hiệu A1, A2, A11, A12, A20, A34, A35, A44, A51, A52, A61, A62, A69, A104, A121, A122, A131, A132, A151, A152, A164, A165, A182, A183, A192, A193, A205, A206, A213, A222, A223, A233, A234, A262, A263, A272, A280, A281, A291, A292, A301, A302, A311, A312, A321, A330, A331, A339, từ A340 đến A343, A350, A351, A360, A361, A370, A371, A379, A381, A382) so với chữ ký của **Hà Anh Đ** là do cùng một người ký ra.

Tại Bản Cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 23/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Hoàng Văn Quý về tội: "Đưa hối lộ" theo điểm đ khoản 2 Điều 364 của Bộ luật hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 220/2023/HSST ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 364; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn Q** 02 (hai) năm tù, về tội "Đưa hối lộ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 17/3/2023 đến ngày 11/8/2023).

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 31/01/2024, bị cáo **Hoàng Văn Q** có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị xem xét xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo trình bày: Án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội đưa hối lộ là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo **Q** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo và xin rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo bị bệnh tim đang tiếp tục điều trị, bị cáo đã nộp nhiều tài liệu về việc gia đình bị cáo có nhiều huân huy chương, bằng khen, giấy khen của ông bà nội ngoại, của bố bị cáo; bị cáo đã nộp ủng hộ quỹ vì người nghèo và chương trình an sinh xã hội **phường X** năm 2024 số tiền 1.000.000đồng; xác nhận ủng hộ kinh phí thực hiện chương trình thanh niên năm 2024 số tiền 1.000.000đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo xin được hưởng án treo để có cơ hội tiếp tục cống hiến cho xã hội.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX:

- Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Hoàng Văn Q**.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Hoàng Văn Q**, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang:

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 364; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn Q** 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đưa hối lộ”. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo **Q** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo **Q** không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội tiếp tục cống hiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo **Hoàng Văn Q** nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Hoàng Văn Q** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, **Hoàng Văn Q** đã nhận thông tin về đăng ký, đăng kiểm xe và tiền của 52 chủ phương tiện (hoặc lái xe) để giúp các chủ phương tiện hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận thẩm định xe cơ giới cải tạo, Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (nhận tiền 01 lần “trọn gói”). Để được thẩm định và cấp Giấy chứng nhận thẩm định xe cơ giới cải tạo được nhanh chóng, **Hoàng Văn Q** đã đề nghị **Hoàng Thế H1** là Tổ trưởng Tổ thẩm định thuộc **Sở G** thẩm định và trình ký Giấy chứng nhận trước thời hạn quy định, vi phạm điểm c mục 5 Điều 7 Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 21/12/2014 của **Bộ G** quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. **Hoàng Thế H1** đồng ý thực hiện theo đề nghị của **Q** và được **Q** chuyển cho số tiền 15.500.000 đồng để thẩm định nhanh 10 hồ sơ cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Sau khi có Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo, **Q** đến Trung tâm đăng kiểm 98-01S gặp và giao cho **Chu Văn K1** là Giám đốc, **Nguyễn Quyết T1** và **Hà Anh Đ** là Đăng kiểm viên tổng số 44.680.000 đồng để thực hiện việc nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện **Q** đã nhận tiền “trọn gói” khi những người này và chủ cơ sở thiết kế, cải tạo xe cơ giới không có mặt khi nghiệm thu, đăng kiểm. Với thủ đoạn trên, **Hoàng Văn Q** đã nhiều lần đưa hối lộ với tổng số tiền 60.180.000 đồng; trong đó: 01 lần đưa hối lộ cho **Hoàng Thế H1** số tiền 15.500.000 đồng; nhiều lần đưa hối lộ cho **Chu Văn K1**, **Nguyễn Quyết T1**, **Hà Anh Đ** với tổng số tiền 44.680.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đây là các tội phạm về chức vụ. Bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo **Hoàng Văn Q** phạm tội “Đưa hối lộ”. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi, đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là “Phạm tội 02 lần trở lên”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự. Án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thì thấy:

[3.1] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo **Hoàng Văn Q** đã tự nguyện nộp lại tiền thu lời bất chính; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; 01 lần được Bộ trưởng **Bộ G1** tặng Bằng khen; 02 lần được Giám đốc **Sở Giao thông vận tải tỉnh B** công nhận đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; 05 lần được Giám đốc **Sở G** tặng Giấy khen; 03 lần được Đảng ủy **Sở Giao thông vận tải tỉnh B** tặng Giấy khen; sau khi phạm tội đã đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Q** 02 (hai) năm tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3.2]. Bị cáo **Hoàng Văn Q** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: tại phiên tòa bị cáo xin rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Việc xin rút một phần kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Hoàng Văn Q**.

- Bị cáo **Q** giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo: tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu mới là Giấy chứng nhận khen thưởng kháng chiến của ông **Nguyễn Văn T3** là ông ngoại bị cáo, Giấy chứng nhận khen thưởng kháng chiến của bà **Nguyễn Thị M**, cán bộ tiền khởi nghĩa là bà ngoại của bị cáo; Giấy chứng nhận khen thưởng kháng chiến của bà **Nguyễn Thị D** là dân công hỏa tuyến là bà nội của bị cáo; Huy chương kháng chiến hạng nhì của ông **Hoàng Văn T4** là ông nội bị cáo; Huy hiệu 30 năm tuổi đảng, Bằng khen của Ủy ban mặt trận tổ quốc **Việt Nam tỉnh B**, Kỷ niệm chương bảo vệ an ninh tổ quốc, giấy khen của Chủ tịch UBMTTQ, kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân vận, kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân số, kỷ niệm chương vì sự nghiệp khuyến học và nhiều giấy khen của ông **Hoàng Văn K** là bố đẻ bị cáo; Bị cáo được Ủy ban mặt trận tổ quốc **Việt Nam phường X** ghi nhận tấm lòng vàng vì đã ủng hộ 2.500.000 đồng quỹ “vì người nghèo” năm 2023 và chương trình an sinh xã hội năm 2024; **Sở G** là Cơ quan quản lý công chức đối với **Q**, xác nhận “trong quá trình công tác, ông **Hoàng Văn Q** đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, tích cực tham mưu thực hiện và cơ bản hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (từ năm 2010 đến năm 2022 đều được cơ quan đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; được Bộ trưởng **Bộ G** tặng bằng khen và nhiều Giấy khen của Đảng ủy, Giám đốc sở). Trong giai đoạn phong

chống dịch Covid- 19, thực hiện nhiệm vụ được giao, ông **Hoàng Văn Q** đã tham gia tích cực vào các Tổ công tác của Sở giao thông vận tải, được giao nhiệm vụ điều hành các đoàn xe vận chuyển công nhân về quê trong thời gian dịch; hỗ trợ các doanh nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp khôi phục sản xuất,.. qua đó góp phần tích cực vào kết quả chung trong công tác phòng, chống dịch của Sở giao thông vận tải của tỉnh. Ngoài ra, ông **Hoàng Văn Q** tích cực tham gia các hoạt động phong trào của các đoàn thể, cơ quan; thường xuyên hỗ trợ, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn với đồng nghiệp; có nhiều giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác, được lãnh đạo cơ quan, đồng nghiệp ghi nhận...với trách nhiệm là cơ quan trực tiếp quản lý công chức, thời gian qua **Sở G** đã thường xuyên quan tâm tăng cường chỉ đạo, quản lý, giáo dục đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nói chung và cá nhân ông **Hoàng Văn Q** nói riêng. Trường hợp ông **Q** đủ điều kiện để được tiếp tục công tác theo quy định, **Sở G** sẽ tiếp tục quản lý, sử dụng, giáo dục, giúp đỡ để ông **Hoàng Văn Q** có điều kiện sửa chữa, khắc phục sai phạm, tham gia đóng góp vào thực hiện nhiệm vụ của Sở, trở thành người có ích cho tổ chức và xã hội...”; bị cáo nộp bệnh án điều trị bệnh tim; bị cáo đã nộp ủng hộ quỹ vì người nghèo và chương trình an sinh xã hội của **phường X** năm 2024 số tiền 1.000.000đồng, ủng hộ kinh phí thực hiện chương trình thanh niên năm 2024 số tiền 1.000.000đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới ở cấp phúc thẩm cần xem xét áp dụng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có địa chỉ cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, nên không cần phải cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục cống hiến cho xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo. Nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, cần sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên hình phạt nhưng cho hưởng án đối với bị cáo **Hoàng Văn Q** như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hoàng Văn Q**, sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số

25/2024/HS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[5]. Về hình phạt bổ sung: cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **Hoàng Văn Q** theo khoản 5 Điều 364 của Bộ luật hình sự

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Hoàng Văn Q**.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Hoàng Văn Q**, sửa bản án sơ thẩm, xử:

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 364; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 ; khoản 1 và khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử phạt: bị cáo **Hoàng Văn Q 02** (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đưa hối lộ*”. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 26/4/2024).

Giao bị cáo **Hoàng Văn Q** cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo **Hoàng Văn Q** thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo **Hoàng Văn Q** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA, Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ T THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Minh Hiền Nguyễn Trung Thông

Trần Thị Hà

